

UBND TỈNH NGHỆ AN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH

**ĐỀ ÁN**  
**TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**NĂM 2021**

**Nghệ An, 2021**

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v ban hành Đề án tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm học 2021**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH**

Căn cứ Luật giáo dục Đại học;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;  
Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ;  
Căn cứ Văn bản hợp nhất số 03/VBHN- BGDĐT ngày 31 tháng 03 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Y khoa Vinh

Theo đề nghị của bà Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này đề án tuyển sinh trình độ thạc sĩ của trường ĐHYK Vinh (có đề án kèm theo).

**Điều 2.** Đề án tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2021 là căn cứ để tổ chức triển khai thực hiện công tác tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2021 của Trường ĐHYK Vinh, có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2021, các Ban giúp việc của Hội đồng tuyển sinh, các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:** 

- Bộ GD&ĐT (b/c);
- UBND tỉnh Nghệ An (b/c);
- BGH (để chỉ đạo)
- Như điều 3 (để thực hiện)
- Tổ CNTT (đăng website)
- Lưu VT-SĐH



  
Nguyễn Cảnh Phú

Vinh, ngày 24 tháng 02 năm 2021

**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM HỌC 2021**  
(kèm theo Quyết định số 115/QĐ-ĐHYKV ngày 24/02/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Y khoa Vinh)

**1. Thông tin chung về Trường**

**1.1. Tên trường, địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo**

- **Tên trường:** Đại học Y khoa Vinh

- **Sứ mệnh:** Đào tạo nguồn nhân lực y tế có trình độ đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ y dược, hỗ trợ phát triển hệ thống y tế, cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và cả nước.

- **Địa chỉ:** 161- Nguyễn Phong Sắc, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- **Địa chỉ website:** <https://www.vmu.edu.vn>; Email: [bscckieuanh@gmail.com](mailto:bscckieuanh@gmail.com).

- Điện thoại liên hệ: 023.83524622 – 0943344416 - 0912584133

**1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐHYK Vinh**

- Chuyên ngành đào tạo: Thạc sĩ y tế công cộng; Mã số 8720701 (QĐ số 683/QĐ-BGD&ĐT ngày 08/02/2021 về việc mở mã ngành).

- Số đợt tuyển sinh trong năm: 1 đợt/ năm vào tháng 6 -7 hàng năm.

- Phương thức tuyển sinh: thi tuyển 3 môn ( môn Cơ sở, môn Chuyên ngành và môn Ngoại ngữ)

- Thời gian đào tạo: 2 năm và có thể gia hạn thêm 1 năm.

- Hình thức đào tạo: Tập trung

**2. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng**

**2.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu**

**2.1.1. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá**

Tổng diện tích của trường: 28.580 m<sup>2</sup>

Diện tích sàn xây dựng trực tiếp đào tạo:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )
1.	Hội trường, giảng đường, phòng học, phòng làm việc	73	9580 m <sup>2</sup>



	<b>làm việc</b>		
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	300
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	19	4.000
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	7	1.200
1.4.	Phòng học dưới 50 chỗ	10	800
1.5.	Phòng học đa phương tiện	4	280
1.6.	Phòng làm việc (GS, PGS, GV cơ hữu)	32	3.000
<b>2.</b>	<b>Thư viện, trung tâm học liệu</b>	<b>01</b>	<b>3.000 m<sup>2</sup></b>
<b>3.</b>	<b>Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập</b>		<b>16.000 m<sup>2</sup></b>
3.1.	Khu thực hành, thí nghiệm	24	3.000
3.2.	Bệnh viện trường ĐHYK Vinh	01	13.000
3.3.	Cơ sở thực hành thực tập (Bệnh viện, Trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An)	25	
	<b>Tổng</b>		<b>28.580 m<sup>2</sup></b>

**2.1.2. Cơ sở thực hành thực tập:** Bệnh viện, Trung tâm y tế của trường đóng trên địa bàn tỉnh Nghệ An gồm:

- 01 bệnh viện Trung ương: Bệnh viện Phong-Da liễu Quỳnh Lập; 01 Phân viện pháp y tâm thần Bắc miền Trung.

- 13 Bệnh viện tuyến tỉnh: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nghệ An (Bệnh viện tuyến cuối về chuyên môn kỹ thuật khám, chữa bệnh khu vực Bắc Trung Bộ); Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An; Bệnh viện Ung bướu Nghệ An; Bệnh viện Tâm thần Nghệ An; Bệnh viện Nội tiết Nghệ An; Bệnh viện Phổi Nghệ An; Bệnh viện Điều dưỡng-Phục hồi chức năng; Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Nghệ An; Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An; Bệnh viện Da liễu Nghệ An; Bệnh viện Mắt Nghệ An; Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Bắc; Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam.

- 02 Bệnh viện ngành: Bệnh viện Quân Y4; Bệnh viện Giao thông vận tải Vinh.

- 05 Bệnh viện tư nhân: Bệnh viện 115; Bệnh viện Đa khoa Cửa Đông; Bệnh viện Đa khoa TTH Vinh; Bệnh viện Thành An; Bệnh viện Quốc tế Vinh.

- 05 Trung tâm y tế dự phòng và chuyên khoa cấp tỉnh: Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) Nghệ An; Trung tâm huyết học và truyền máu; Trung tâm Kiểm nghiệm Dược và Mỹ phẩm; Trung tâm giám định pháp y tỉnh; Trung tâm giám định y khoa. 02 Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

- 07 Bệnh viện đa khoa tuyến huyện hạng II và 21 Trung tâm y tế huyện (12 Trung tâm y tế thực hiện 2 chức năng khám chữa bệnh và dự phòng; 09 Trung tâm y tế thực hiện chức năng dự phòng).

- Tổng số giường bệnh công lập: 4.000 (tuyến tỉnh 1815; tuyến huyện: 1885; Bệnh viện ngành: 300).

- 460 trạm Y tế phường, xã với gần 2000 giường bệnh dân lập.

**2.1.3. Các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và trang thiết bị**

TT	Phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thư viện	Số lượng	Tên học phần sử dụng
1	Phòng học lý thuyết	36 phòng	Tất cả các học phần
2	Phòng học máy tính	03	Tất cả các học phần
3	Phòng học ngoại ngữ	01	Tiếng Anh
4	Hội trường	01	Tất cả các học phần
5	Phòng bảo vệ luận văn	05	Tất cả các học phần
6	Thư viện	01	Tất cả các học phần
7	Ký túc xá	02	Tất cả các học phần
8	Khu thực hành, thí nghiệm - Thiết bị đo cường độ ánh sáng - Máy đo khí hậu - Máy đo bụi lơ lửng - Cân điện tử - Máy đo độ ồn - Máy phân tích chỉ tiêu nước - Máy lấy mẫu bụi - Máy đo hơi khí độc - Máy đo độ rung - Máy đo bức xạ nhiệt - Bộ kiểm tra vi sinh nước,...	03 phòng	Học phần thực hành
9	Thực hành tin học Hệ thống máy tính, kết nối mạng LAN, mạng internet Máy chiếu, màn chiếu Phần mềm điều khiển phòng máy	03	Học phần thực hành

**2.1.4. Thống kê học liệu** (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo, tạp chí cơ sở dữ liệu điện tử...) trong thư viện

Thư viện có hàng trăm đầu sách bao gồm Việt văn và Ngoại văn. Trung tâm học liệu thư viện có hệ thống máy tính dành cho quản lý, xử lý nghiệp vụ và phục vụ bạn đọc tra cứu tìm tài liệu.

Hệ thống quản trị Thư viện bằng phần mềm thư viện điện tử tích hợp hiện đại (Libol 6.0); Có thư viện số khai thác tài liệu điện tử online trên nền Website (<http://vmu.tailieu.vn>).

Nguồn tài liệu phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và học tập, cụ thể:

- Sách: Trên 1.200 đầu sách với trên 6.300 bản

*B*

- Tạp chí: 27 đầu báo, tạp chí chuyên ngành
- Luận văn - Luận án: 263 luận văn, luận án
- Đề tài KH&CN: trên 500 đề tài cấp tỉnh và cấp cơ sở
- Khóa luận tốt nghiệp: trên 150 đề tài nghiên cứu của sinh viên
- Nguồn tài liệu số: 541 tài liệu chuyên ngành Dược, 402 tài liệu chuyên ngành Điều dưỡng, 416 tài liệu chuyên ngành Y tế công cộng/Y học dự phòng, 601 tài liệu chuyên ngành Y cơ sở/Xét nghiệm, 1.173 tài liệu chuyên ngành Y khoa, 275 tài liệu môn học chung, 262 tài liệu tham khảo, 133 luận văn luận án.

## **2.2. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đến ngày 31/12/2020**

### **2.2.1. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính theo chỉ tiêu tuyển sinh (có danh sách kèm theo)**

STT	Học hàm/học vị	Chuyên ngành giảng dạy	Tổng
1	Giáo sư		
2	Phó giáo sư	Y tế công cộng	05
3	Tiến sĩ/ Chuyên khoa cấp II	Y tế công cộng	12
4	Thạc sĩ/ Chuyên khoa cấp I	Y tế công cộng	07
	Tổng		<b>24</b>

### **2.1.2. Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng (có danh sách kèm theo)**

STT	Học hàm/học vị	Chuyên ngành giảng dạy	Tổng
1	Giáo sư		
2	Phó giáo sư	Y tế công cộng	0
3	Tiến sĩ/ Chuyên khoa cấp II	Y tế công cộng	04
4	Thạc sĩ/ Chuyên khoa cấp I		
	Tổng		<b>04</b>

## **2.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học; Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo**

Hoạt động nghiên cứu khoa học của trường ĐHYK Vinh tập trung trên các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu điều tra dịch tễ học và nghiên cứu ứng dụng, triển khai các kỹ thuật mới, tiên tiến trong lĩnh vực khám và chữa bệnh, phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe; nghiên cứu và sản xuất loại thuốc mới; Nâng cao chất lượng dạy học, đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin,... Bám sát chiến lược phát triển khoa học của Bộ y tế và Bộ

Khoa học & Công nghệ để triển khai các đề tài nghiên cứu phù hợp với khả năng của nhà trường. Nghiên cứu khoa học qua từng giai đoạn đã đáp ứng được nhu cầu của xã hội, kịp thời giải quyết những vấn đề nghiên cứu khoa học qua từng giai đoạn đã đáp ứng được nhu cầu của xã hội, kịp thời giải quyết những vấn đề cần khắc phục trước mắt, xây dựng chiến lược lâu dài và từng bước vươn mình tiếp cận những tiến bộ của nền khoa học thế giới.

Số lượng đề tài khoa học ngày càng nhiều và đa dạng. Trong giai đoạn 2015-2020 đã triển khai được 5 đề tài cấp tỉnh, 225 đề tài cấp trường và 150 đề tài nghiên cứu của sinh viên.

Kết quả nghiệm thu đều đạt xuất sắc, tốt và khá. Công tác nghiên cứu khoa học trong sinh viên được đẩy mạnh kể cả về số lượng và chất lượng. Nhiều đề tài nghiên cứu của sinh viên đạt kết quả tốt, hàng năm Nhà trường có 3-4 đề tài dự thi Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học, trong đó có nhiều đề tài được giải. Các đề tài nghiên cứu khoa học được tiến hành đã có đóng góp đáng kể trong việc giải quyết những vấn đề thực tiễn về chăm sóc sức khỏe nhân dân. Đồng thời góp phần đổi mới công tác đào tạo. Công tác nghiên cứu khoa học đã góp phần tích cực trong việc bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Trong thời gian qua, Nhà trường đã chủ động hợp tác với các tổ chức nước ngoài thông qua các dự án tài trợ, các chương trình tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm,... nhằm tranh thủ nguồn lực phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên như:

Dự án hỗ trợ y tế các tỉnh Bắc Trung Bộ vốn vay Ngân hàng thế giới (WB) đã hỗ trợ 3.960.000 USD mua sắm trang thiết bị cho các labo thực hành thí nghiệm, đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên (56 thạc sĩ, 100 thực tập sinh, thuê 30 chuyên gia hỗ trợ về mặt kỹ thuật cho Nhà trường).

Dự án Chương trình phát triển nguồn nhân lực y tế do Ngân hàng Phát triển Châu Á tài trợ (ADB) đã hỗ trợ 63.300 USD sửa chữa nâng cấp phòng thực hành, thí nghiệm; 1.500.000 USD mua sắm trang thiết bị; Đào tạo 03 tiến sĩ, 04 thạc sĩ trong và ngoài nước; Đào tạo ngắn hạn cho giảng viên về Phương pháp giảng dạy điều dưỡng hiện đại tại Đại học Burapha Thái Lan, xây dựng chương trình giáo trình đào tạo tại Đại học Yonsei Hàn Quốc; Giảng dạy dựa trên chuẩn đầu ra, phương pháp giải quyết vấn đề; phòng thí nghiệm “khô”, “ướt”; dạy học theo nhóm nhỏ; E-Learning tại Đại học IMU Malaysia.

Hợp tác với trường Đại học khoa học ứng dụng Seinaijoki - Phần Lan thực hiện chương trình Erasmus + về việc trao đổi giảng viên, sinh viên trong hoạt động dạy học và đào tạo,...

#### **2.4. Hướng nghiên cứu luận văn thạc sĩ Y tế công cộng**

Đánh giá tình trạng sức khỏe

Phân tích nguy cơ phát triển dịch, các mối nguy hại đến sức khỏe cộng đồng, các thảm họa.

Sức khỏe môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm,...

Giải pháp cải thiện hệ thống phòng ngừa

Giám sát, kiểm soát bệnh tật cộng đồng,...

### **2.5. Các điều kiện hỗ trợ nghiên cứu của học viên trình độ thạc sĩ**

- Hội thảo khoa học: Tổ chức hội thảo cấp trường, cấp khoa, hội thảo chuyên ngành do Sở y tế, Bệnh viện và Trung tâm kiểm soát bệnh tật tổ chức.

- Tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học: Hàng năm các nhà khoa học của trường chủ trì thực hiện 40-50 đề tài cấp cơ sở, 2-3 đề tài cấp tỉnh. Tập san nghiên cứu khoa học của nhà trường xuất bản 4 số/ năm. Tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo chuyên ngành, các bài báo khoa học trên các tạp chí như: Y học thực hành, Y học dự phòng, Y tế công cộng, ... có chỉ số ISI/ Scopus.

Các đề tài nghiên cứu tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực phòng bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng dạy học, đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin,...nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường, phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân của tỉnh Nghệ An và các tỉnh Bắc Trung bộ.

- Trong quá trình học tập tại trường, học viên trình độ thạc sĩ được khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để tham gia các đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên môn.

### **2.6. Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo**

Về nhân lực Nhà trường có kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực bổ sung cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên. Đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu khoa học, hiện đã và đang phát huy vai trò trong chuyên môn, có ảnh hưởng không chỉ trong phạm vi nhà trường mà còn nhiều cơ sở y tế trên địa bàn. Các Hội đồng Khoa học và đào tạo, Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của nhà trường được xây dựng và kiện toàn hàng năm.

Để đảm bảo chất lượng đào tạo và duy trì, phát triển hàng năm Nhà trường lập kế hoạch cử 01-02 giảng viên cơ hữu đi học tập nâng cao trình độ lên tiến sĩ. Hiện tại có 02 nghiên cứu sinh chuẩn bị bảo vệ cấp cơ sở trong nước; 02 NCS đang học tập tại Thái Lan và Nhật Bản.

Mời giảng viên có trình độ tiến sĩ của các cơ sở giáo dục trong nước ( Trường ĐH Y Hà Nội, ĐH Y dược Hải Phòng, ĐH Y dược Huế, ĐH Y dược Hồ

12



Chí Minh,...) tham gia giảng các chuyên đề, chuyển giao công nghệ và giảng dạy.

Mời các giảng viên thỉnh giảng có trình độ thạc sĩ trở lên của các cơ sở thực hành (Bệnh viện, Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An) đủ tiêu chuẩn theo Nghị định 111/2017/NĐ-CP tham gia hướng dẫn thực hành.

Nhà trường tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất trang thiết bị cho đào tạo chuyên ngành Y tế công cộng nói riêng cũng như cho các thể hệ đào tạo khác. Theo kế hoạch, Nhà trường đang xúc tiến xây dựng cơ sở 2 tại Nghi Thái với 29ha. Đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở thực địa. Tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ các hoạt động như: tăng cường hệ thống thư viện hiện đại với nhiều đầu sách, trang bị hệ thống wifi miễn phí dành cho học viên, sinh viên truy cập internet phục vụ tra cứu tài liệu học tập và NCKH, đảm bảo hệ thống ký túc xá và thiết kế không gian vui chơi trong khuôn viên nhà trường.

Công tác xuất bản nội san và công bố các công trình NCKH trên các tạp chí uy tín trong nước và tạp chí nước ngoài có chỉ số ISI/ Scopus đã được nhà trường làm tốt. Nhà trường đang xây dựng nội san trở thành tạp chí NVCH khoa học có uy tín và chất lượng, khuyến khích các giảng viên tham gia NCKH, tìm các nguồn kinh phí tài trợ cho NCKH. Xây dựng đánh giá giảng viên dựa trên các công trình NCKH và tham gia hoạt động NCKH.

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo thạc sĩ YTCC, nhà trường đã chủ động duy trì mối quan hệ hợp tác cũ, tìm kiếm và mở rộng quan hệ hợp tác với các trường Đại học, Viện y tế công cộng uy tín trong khu vực và trên thế giới. Hiện nay nhà trường đang triển khai hợp tác với các đối tác Thái Lan, Nhật Bản, Đức trong lĩnh vực đào tạo nhân lực y tế chất lượng cao, đồng thời cử giảng viên của trường sang các trường đối tác nước ngoài để học hỏi kinh nghiệm xây dựng, tổ chức quản lý đào tạo sau đại học, học tập, trao đổi kiến thức chuyên môn, trau dồi kỹ năng ngoại ngữ,....

## **2.7. Kiểm định chất lượng**

Đại học Y khoa Vinh đã được chứng nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp cơ sở do Trung tâm kiểm định chất lượng trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam cấp. Trường đang tiến hành kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trong năm 2021 cho 2 chương trình.

## **3. Thông tin của năm tuyển sinh**

### **3.1. Đối tượng tuyển sinh**

Người dự thi đào tạo ngành thạc sĩ Y tế công cộng phải có đủ sức khỏe để học tập theo quy định và hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Các điều kiện khác theo nhóm trình độ như sau:

#### **3.1.1. Điều kiện về văn bằng**

Người dự tuyển phải có một trong các điều kiện sau:

a) Có bằng đại học ngành đúng hoặc ngành phù hợp với chuyên ngành dự tuyển (Ngành đúng, ngành phù hợp gồm: Cử nhân Y tế công cộng, Bác sĩ Y học dự phòng).

b) Có bằng đại học ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi và có chứng chỉ học bổ sung kiến thức khi nộp hồ sơ (Ngành gần gồm: Y đa khoa, Bác sĩ Y học cổ truyền, Bác sĩ Răng hàm mặt, Dược sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh, Dinh dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật phục hình răng, Tổ chức và quản lý y tế, Quản lý bệnh viện, Y sinh học thể dục thể thao).

c) Có bằng đại học khác với chuyên ngành đăng ký dự thi và có chứng chỉ học bổ sung kiến thức khi nộp hồ sơ (Ngành khác gồm: Sinh học, Môi trường, Dân số, Kinh tế, Hóa học, Xã hội học, Nhân học).

d, Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của trường ĐHTK Vinh.

e, Người nước ngoài muốn học thạc sĩ ở Việt Nam phải có đủ các điều kiện quy định ở trên và được Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

### **3.1.2. Điều kiện thâm niên công tác (tính đến ngày nộp hồ sơ)**

- Những người tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành Y tế công cộng được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

- Những người tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Y tế công cộng phải có ít nhất 01 năm công tác trong ngành y tế hoặc quản lý sức khỏe.

- Những người tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành Y tế công cộng phải có ít nhất 02 (hai) năm công tác trong ngành y tế hoặc quản lý sức khỏe.

### **3.2. Môn thi:**


- Môn 1: Cơ sở (Dịch tễ học)

- Môn 2: Chuyên ngành (Tổ hợp môn Sức khỏe môi trường - Tổ chức và Quản lý y tế - Sức khỏe nghề nghiệp - Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm)

- Môn 3: Ngoại ngữ (tiếng Anh). Đề thi tương đương trình độ bậc 2/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Các trường hợp được miễn thi ngoại ngữ bao gồm:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài; 

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ từ bậc 3/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

**3.3. Phạm vi tuyển sinh:** Trong cả nước

### **3.3. Phương thức tuyển sinh**

Phương thức tuyển sinh: thi tuyển

Trường Đại học Y khoa Vinh tổ chức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Y tế công cộng khóa 1 tại trường. Tháng 12 hàng năm, Phòng Đào tạo Sau đại học báo cáo với Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời điểm tuyển sinh kế tiếp.

**3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:** 20 chỉ tiêu

### **3.5. Tổ chức tuyển sinh**

#### **3.5.1. Thời gian dự kiến**

- Phát hành hồ sơ: Từ ngày 08/03/2021 đến ngày 16/04/2021
- Nhận hồ sơ: Từ ngày 04/05/2021 đến 16 giờ30' ngày 04/06/2021 tại phòng Đào tạo Sau đại học - Trường ĐHYK Vinh.
- Công bố kết quả xét duyệt hồ sơ: Dự kiến ngày 09/06/2021 trên website của Trường ĐHYK Vinh (<http://vmu.edu.vn>).

- Thời gian ôn thi: 12/06/2021 đến 12/07/2021

- Thời gian thi: 17-18/08/2021


- Thời gian nhập học: dự kiến ngày 21/08/2021

#### **3.5.2. Địa điểm**

- Địa điểm phát hành hồ sơ, nhận hồ sơ đăng ký dự thi: Phòng đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Y khoa Vinh.

- Địa điểm thi và đào tạo: Trường Đại học Y khoa Vinh, 161 – Nguyễn Phong Sắc, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

#### **3.5.3. Hồ sơ tuyển sinh:** gồm các loại giấy tờ sau

1. Đơn đăng ký dự thi có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự;
2. Sơ yếu lý lịch có dán ảnh, đóng dấu xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (cơ quan, đơn vị quản lý nhân sự, xã phường đối với thí sinh tự do);
3. Công văn hoặc quyết định cử đi thi tuyển của cơ quan chủ quản có thẩm quyền quyết định nhân sự;
4. Bản sao công chứng bằng điểm và bằng tốt nghiệp đại học. Trường hợp tốt nghiệp đại học ở nước ngoài phải nộp giấy xác nhận văn bằng của cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
5. Bản sao Hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, tuyển dụng viên chức, quyết định phân công công tác để chứng minh thâm niên công tác. 

Giấy xác nhận thâm niên chuyên ngành tối thiểu 12 tháng tính đến thời điểm dự thi đối với người dự tuyển chuyên khoa cấp I có chứng chỉ hành nghề lĩnh vực khác chuyên ngành nội khoa.

6. Bản sao công chứng
  - a) Văn bằng, bảng điểm/chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định đối với những trường hợp thuộc diện miễn thi môn ngoại ngữ;
  - b) Chứng chỉ bổ sung kiến thức đối với đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác dự tuyển trình độ thạc sĩ y tế công cộng;
  - c) Chứng chỉ hành nghề đối với người dự tuyển chuyên khoa cấp I;
7. Giấy tờ pháp lý minh chứng về đối tượng ưu tiên (nếu có).
8. Giấy chứng nhận sức khỏe (theo Thông tư 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế) trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;
9. Ảnh 3x4 (trong vòng 6 tháng tính đến ngày dự thi) ghi rõ họ tên, ngày sinh và nơi sinh sau ảnh: 04 chiếc
10. Hai phong bì thư có dán tem ( $\geq 4.000đ$ ) và ghi rõ địa chỉ người nhận, số điện thoại liên lạc.

**Lưu ý:**

- Hồ sơ đăng ký dự thi do Trường Đại học Y khoa Vinh phát hành.
- Tất cả giấy tờ được xếp theo thứ tự ghi ở mặt ngoài bì hồ sơ dự tuyển. Hội đồng tuyển sinh chỉ nhận hồ sơ đã có đủ giấy tờ theo quy định.
- Thí sinh giả mạo giấy tờ pháp lý, khai man, gian lận hồ sơ sẽ không được dự thi, nếu dự thi mà bị phát hiện sẽ bị hủy kết quả thi.

**3.5.4. Phương thức xét tuyển**

Các môn thi phải đạt 50% của thang điểm mỗi môn thi (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có). Không làm tròn điểm từng môn thi.

Tính tổng điểm môn chuyên ngành và môn cơ sở (không tính môn ngoại ngữ), xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến hết chỉ tiêu. Trường hợp người dự tuyển có tổng điểm bằng nhau, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: Có điểm môn chuyên ngành cao hơn; Được miễn thi môn ngoại ngữ hoặc có điểm môn ngoại ngữ cao hơn.

**3.6. Kinh phí thi tuyển**

Kinh phí đăng ký, xử lý, xét hồ sơ dự thi: 100.000 đồng/hồ sơ


Kinh phí dự thi: 200.000 đồng/môn thi

Các phí trên được nộp cùng hồ sơ đăng ký dự thi

**3.7. Học phí dự kiến**

Thực hiện theo hướng dẫn của UBND tỉnh Nghệ An, các văn bản hiện hành của Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế. Năm 2021 Nhà trường thực hiện theo Quyết định số 89/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Nghệ An quy định về

mức thu học phí trong các cơ sở giáo dục - đào tạo công lập thuộc tỉnh Nghệ An quản lý, năm học 2020-2021. Năm học 2021 – 2022, mức tạm thu 2.070.000 đồng/tháng/học viên (sẽ điều chỉnh mức thu khi có văn bản mới thay thế Quyết định số 89/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Nghệ An).

Chính sách khuyến khích học tập: học viên trình độ thạc sĩ có thành tích tốt trong học tập và nghiên cứu khoa học, hoàn thành luận văn đúng thời hạn được Nhà trường xem xét khen thưởng. Mức chi khen thưởng theo quy chế tài chính nội bộ của Nhà trường. 

HIỆU TRƯỞNG



★ Nguyễn Cảnh Phú



**BÁO CÁO THỰC HIỆN CHỈ TIÊU TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2020**

*Lưu ý: Chỉ tiêu viết tắt "CT"; Thực hiện chỉ tiêu viết tắt "TH"*

STT	Trình độ/ ngành đào tạo	Tình hình thực hiện chỉ tiêu theo khối ngành														Tổng cộng		Tỷ lệ %
		Khối I		Khối II		Khối III		Khối IV		Khối V		Khối VI		Khối VII				
		CT	TH	CT	TH	CT	TH	CT	TH	CT	TH	CT	TH	CT	TH	CT	TH	
1	Sau đại học																	
1.1	Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.2	Thạc sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.2.1	Ngành Y tế công cộng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Vinh, ngày 24 tháng 02 năm 2021

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Cảnh Phú

**CƠ SỞ PHÁP LÝ XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2021**

**1. Danh sách ngành đào tạo**

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh	Ưu tiên đào tạo nhân lực Du lịch/ công nghệ thông tin	Năm bắt đầu thực hiện ưu tiên đào tạo nhân lực Du lịch/ công nghệ thông tin
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Thạc sĩ Y tế công cộng	8720701	683/QĐ-BGDĐT	08/02/2021				2021			



**2. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đến 31/12/2020 (giảng viên)**

**2.1. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu**

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/ CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh			
												Thạc sĩ		Tiến sĩ	
												Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành
1	Nguyễn Cảnh Phú	03/02/1963	180628879	Việt Nam	nam	1996	Không xác định thời hạn	PGS	Tiến sĩ	YTCC		8720701	Y tế công cộng		
2	Phan Quốc Hội	15/09/1968	181524270	Việt Nam	nam	1994	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	YTCC		8720701	Y tế công cộng		
3	Trần Ngọc Bình	14/04/1973	181987967	Việt Nam	nam	1998	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	YTCC		8720701	Y tế công cộng		
4	Ngô Trí Hiệp	05/02/1976	182103006	Việt Nam	nam	2001	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	YTCC		8720701	Y tế công cộng		

5	Nguyễn Trọng Tuấn	01/02/1988	186340812	Việt Nam	nam	2012	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	YTCC		8720701	Y tế công cộng		
6	Nguyễn Trọng Tài	02/09/1956	186639871	Việt Nam	nam	1981	Không xác định thời hạn	PGS	Tiến sĩ	TMH		8720701	Y tế công cộng		
7	Cao Trường Sinh	12/11/1963	180741106	Việt Nam	nam	1989	Không xác định thời hạn	PGS	Tiến sĩ	Nội		8720701	Y tế công cộng		
8	Nguyễn Văn Tuấn	18/11/1975	182009866	Việt Nam	nam	2000	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Nội		8720701	Y tế công cộng		
9	Trần Thị Kiều Anh	15/04/1975	1982009861	Việt Nam	nữ	2000	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	KST		8720701	Y tế công cộng		
10	Bùi Kim Thuận	11/02/1962	180533869	Việt Nam	nam	1990	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Nhi		8720701	Y tế công cộng		
11	Lê Thị Thanh Tâm	26/12/1977	182186479	Việt Nam	Nữ	2002	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Sản		8720701	Y tế công cộng		
12	Chu Trọng Trang	04/11/1970	181770862	Việt Nam	Nam	1996	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	YTCC		8720701	Y tế công cộng		
13	Dương Đình Chinh	30/04/1972	181833987	Việt Nam	Nam	1994	Không xác định thời hạn	PGS	Tiến sĩ	Thần kinh		8720701	Y tế công cộng		
14	Nguyễn Quang Trung	15/05/1964	182201299	Việt Nam	Nam	1989	Không xác định thời hạn	PGS	Tiến sĩ	Ngoại khoa		8720701	Y tế công cộng		
15	Nguyễn Văn Định	20/09/1964	182029402	Việt Nam	Nam	1990	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	YTCC		8720701	Y tế công cộng		
16	Tăng Xuân Hải	09/05/1966	181966342	Việt Nam	Nam	1991	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Ký sinh trùng		8720701	Y tế công cộng		
17	Hoàng Thị Yến	02/12/1987	186311429	Việt Nam	nữ	2012	Không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Chính trị		8720701	Y tế công cộng		
18	Nguyễn Thị Thanh Hương	17/11/1981	182398834	Việt Nam	nữ	2005	Không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Chính trị		8720701	Y tế công cộng		
19	Phạm Thị Nhuận	04/07/1988	142345953	Việt Nam	nữ	2012	Không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Chính trị		8720701	Y tế công cộng		
20	Nguyễn Trung Dũng	20/12/1974	181949898	Việt Nam	nam	1998	Không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Chính trị		8720701	Y tế công cộng		
21	Võ Tú Anh	19/02/1984	186246731	Việt Nam	nữ	2007	Không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Anh văn		8720701	Y tế công cộng		
22	Nguyễn Thị Mai	15/08/1985	186246666	Việt Nam	nữ	2007	Không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Anh văn		8720701	Y tế công cộng		
23	Nguyễn Thị Thái	23/10/1981	182394046	Việt Nam	nữ	2004	Không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Anh văn		8720701	Y tế công cộng		
24	Nguyễn thị Hải Lâm	18/08/1981	182426647	Việt Nam	nữ	2007	Không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Anh văn		8720701	Y tế công cộng		

T  
G  
C  
A



**2.2. Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng**

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/ CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh			
												Thạc sĩ		Tiến sĩ	
												Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành
1	Nguyễn Lương Tâm	18/10/1971		Việt Nam	Nam	2020	2 năm		Tiến sĩ	YTCC		8720701	Y tế công cộng		
2	Nguyễn Văn Thương	19/08/1979		Việt Nam	Nam	2020	2 năm		Tiến sĩ	YTCC		8720701	Y tế công cộng		
3	Đậu Huy Hoàn	12/06/1964		Việt Nam	Nam	2020	2 năm		Tiến sĩ	YTCC		8720701	Y tế công cộng		
4	Quế Anh Trâm	05/02/1970		Việt Nam	Nam	2020	2 năm		Tiến sĩ	Ký sinh trùng		8720701	Y tế công cộng		

**3. Các văn bản triển khai thực hiện quyền tự chủ:** văn bản theo quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 32 Luật Giáo dục Đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học.

TT	Nội dung văn bản	QĐ ban hành	Ngày QĐ ban hành	Cơ quan ban hành quyết định
1	Quy chế tổ chức và hoạt động Trường ĐHYK Vinh	1150/QĐ-ĐHYKV	31/12/2019	Trường ĐHYK Vinh
2	Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản	1027/QĐ-ĐHYKV	30/12/2020	Trường ĐHYK Vinh
3	Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Y tế công cộng	839/QĐ-ĐHYKV	15/10/2020	Trường ĐHYK Vinh



Vinh, ngày 24 tháng 02 năm 2021

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**Nguyễn Cảnh Phú**

**CÁC ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2021**

**1. Quy mô đào tạo hệ chính quy đến ngày 31/12/2020 (Người học)**

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
<b>I.</b>	<b>Chính quy</b>								
<b>1</b>	<b>Sau đại học</b>								
1.1	Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0
1.2	Thạc sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0
1.2.1	Ngành Y tế công cộng						0		0

**2. Dự kiến người học tốt nghiệp/ hoặc không tiếp tục theo học tại trường năm 2021 (Người)**

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Dự kiến người học tốt nghiệp theo khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
<b>I.</b>	<b>Chính quy</b>								
<b>1</b>	<b>Sau đại học</b>								
1.1	Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0
1.2	Thạc sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0
1.2.1	Ngành Y tế công cộng						0		0



*Handwritten signature or mark in blue ink.*

3. Giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng theo khối ngành các trình độ thạc sĩ và tiến sĩ đến ngày 31/12/2020

STT	Khối ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng
<b>I.</b>	<b>Giảng viên cơ hữu ngành tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ</b>						
1	Khối ngành I	0	0	0	0	0	0
2	Khối ngành II	0	0	0	0	0	0
3	Khối ngành III	0	0	0	0	0	0
4	Khối ngành IV	0	0	0	0	0	0
5	Khối ngành V	0	0	0	0	0	0
6	Khối ngành VI	0	0	0	0	0	0
7	Khối ngành VII	0	0	0	0	0	0
<b>II.</b>	<b>Giảng viên cơ hữu ngành tham gia giảng dạy trình độ thạc sĩ</b>						
1	Khối ngành I	0	0	0	0	0	0
2	Khối ngành II	0	0	0	0	0	0
3	Khối ngành III	0	0	0	0	0	0
4	Khối ngành IV	0	0	0	0	0	0
5	Khối ngành V	0	0	0	0	0	0
6	Khối ngành VI	0	5	12	7	0	24
7	Khối ngành VII	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng cộng giảng dạy Thạc sĩ</b>	0	5	12	7	0	24



B

4. Cơ sở vật chất đến ngày 31/12/2020

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1.	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	73	9580 m <sup>2</sup>
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	300m <sup>2</sup>
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	19	4.000m <sup>2</sup>
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	7	1.200m <sup>2</sup>
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	10	800m <sup>2</sup>
1.5.	Số phòng học đa phương tiện	04	280m <sup>2</sup>
1.6.	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	32	3.000m <sup>2</sup>
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	01	3.000m <sup>2</sup>
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	36	16.000 m <sup>2</sup>
	<b>Tổng</b>		<b>28.580m<sup>2</sup></b>

Vinh, ngày 24 tháng 02 năm 2021

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**Nguyễn Cảnh Phú**



UBND TỈNH NGHỆ AN  
TRƯỜNG ĐHYK VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2021**

STT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành đào tạo						
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII
I.	Chính quy							
1	Sau đại học							
1.1	Tiến sĩ							
1.2	Thạc sĩ						20	
1.2.1	Ngành Y tế công cộng						20	

Vinh, ngày 24 tháng 02 năm 2021

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



Nguyễn Cảnh Phú